UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THỤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bồ Đề, ngày 30 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Gia Thụy

2. Địa chỉ trụ sở: Ngõ 562 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 4 cụm Gia Thụy, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02436525680

Email: c1tgia thuy@longbien.edu.vn

Website: thgiathuy.longbien.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

*** Sứ mệnh**

Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo với cách "học trải nghiệm sáng tạo, sống trách nhiệm yêu thương", đảm bảo khi Hoàn thành Chương trình Tiểu học ở nhà trường, các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc học sau.

*** Tầm nhìn**

Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên

*** Mục tiêu**

An toàn – Yêu thương – Tôn trọng

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Gia Thụy được thành lập ngày 17/4/2009 theo quyết định số 950/QĐ-UBND của UBND quận Long Biên và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009. Trường nằm trên địa bàn phường Gia Thụy, thuộc tổ dân phố số 4, là công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Nhà trường đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Quận ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Long Biên trong việc đầu tư cơ sở vật chất hiện đại và khá đồng bộ. Tổng

diện tích mặt bằng của trường là 14.120m^2 với khuôn viên rộng rãi luôn "sáng - xanh - sạch - đẹp". Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên được tuyển chọn chất lượng khá đồng đều, chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề nghiệp. Năm 2012, trường Tiểu học Gia Thụy đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Qua 15 năm đi vào hoạt động, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ của phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, đặc biệt là sự quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh, trường Tiểu học Gia Thụy đã nhanh chóng khẳng định là một trong những trường Tiểu học đứng trong tốp đầu của quận Long Biên và Thành phố Hà Nội. Trường có 09 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố với 03 giải Nhất, 06 giải Nhì; 01 giải Khuyến khích cấp Quốc gia thiết kế bài giảng E-learning; 14 giải kĩ năng CNTT, thiết kế bài giảng E-learning, bài giảng STEM cấp Thành phố với 01 giải Nhất, 06 giải Nhì, 06 giải Ba, 01 giải Khuyến khích. Về thành tích học sinh, nhà trường có 98 học sinh đạt giải cấp Quốc tế, 360 học sinh đạt giải cấp Quốc gia và Thành phố, 413 học sinh đạt giải cấp Quận. Ghi nhận những thành tích đạt được của thầy và trò nhà trường, Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ban, Ngành và Thành phố đã tặng nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như: Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội, Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội, Cờ thi đua xuất sắc của Trung ương đoàn…

Để xứng đáng với những phần thưởng mà Đảng, các Bộ, Ban, Ngành của Nhà nước và Thành phố trao tặng, thầy và trò nhà trường tiếp tục phấn đấu thi đua dạy tốt học tốt, tích cực chủ động sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học, quan tâm bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh trong việc hỗ trợ hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường, tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tự hào về truyền thống của nhà trường, Ban giám hiệu cùng toàn thể các thầy cô giáo và các em học sinh quyết tâm phấn đấu giữ vững danh hiệu trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 và phấn đấu từng bước xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

*** THÀNH TÍCH NHÀ TRƯỜNG**

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: năm học 2019 - 2020

- Bằng khen của Bộ GD&ĐT: năm học 2013 - 2014, 2015 - 2016, 2019 - 2020

- Cờ thi đua xuất sắc của UBND thành phố Hà Nội: năm học 2013 - 2014, 2017 - 2018

- Bằng khen của UBND TP Hà Nội: năm học 2018 - 2019, 2020 - 2021, 2022 - 2023

- 10 năm học đạt Tập thể Lao động Xuất sắc

- Bằng khen của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: năm học 2012 - 2013.

- Cờ thi đua Tiên tiến Xuất sắc Thể dục Thể thao: năm học 2016 - 2017

- Giấy khen của Giám đốc công an thành phố Hà Nội: năm học 2018 - 2019

- Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam: năm học 2016 - 2017

- Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội: năm học 2016 - 2017

- Bằng khen của LĐLĐ thành phố Hà Nội: năm học 2014 - 2015, 2015 - 2016, 2019 - 2020, 2023 - 2024

- Cờ thi đua xuất sắc của Trung ương đoàn: năm học 2018 - 2019

- Bằng khen của Trung ương Đoàn: năm học 2013 - 2014, 2016 - 2017, 2017 - 2018, 2021 - 2022

- Cờ thi đua dẫn đầu khối Tiểu học về công tác Đội và phong trào thiếu nhi: năm học 2013 - 2014, 2014 - 2015, 2016 - 2017

- Bằng khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội: năm học 2011 - 2012, 2012 - 2013, 2014 - 2015

6. Thông tin người đại diện pháp luật để liên hệ:

Họ và tên: Bùi Thị Thu Hằng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 4 cụm Gia Thụy, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 0983946774

Địa chỉ thư điện tử: c1giathuy@longbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Trường Tiểu học Gia Thụy được thành lập theo quyết định số: 950/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2009.

b) Đồng chí Bùi Thị Thu Hằng được điều động về làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Gia Thụy theo Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023;

Đồng chí Nguyễn Phương Hằng được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Gia Thụy theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 20/2/2025

Đồng chí Nguyễn Thị Kiều Chinh được bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Gia Thụy theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 27/11/2025

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN[3]

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Nội dung	VTVL lãnh đạo quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành				VTVL chuyên môn dùng chung							VTVL hỗ trợ, phục vụ	Tổng
	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Giáo viên tiểu học	Giáo vụ	Tư vấn học sinh	Hỗ trợ GD người khuyết tật	Kế toán	Văn thư	Thủ quỹ	Thư viện	Y tế	Quản trị công sở	Kỹ thuật viên (Thiết bị)	Bảo vệ	
1. Số lượng	1	2	60	0	0	0	1	1	0	1	1	0	1	4	**72**
2. Trình độ đào tạo															**72**
Thạc sĩ	1	1	1												3
Đại học		1	59				1	1		1			1		64
Cao đẳng											1				1
Trung cấp														1	1
Dưới TC														3	3
3. Hạng CDNN															**59**
Hạng IV			1					1		1	1		1		5
Hạng III		2	20				1								23
Hạng II	1		30												31
4. Chuẩn nghề nghiệp															**54**
Tốt	1	2	29												32
Khá			22												22
Đạt															0
Chưa đạt															0
5. Bồi thường xuyên															**54**
Hoàn thành	1	2	52												54
Chưa HT															0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

* Bảng 1: Số lượng các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Bình quân	So với tiêu chuẩn tối thiểu
1	**Diện tích đất xây dựng**	**14120**	**9,4**	
2	**Khối phòng học tập**	46		
2.1	Phòng học	36	1,2m^2/hs	Đạt
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1,25m^2/hs	Không đạt
2.3	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	1	1,25m^2/hs	Không đạt
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học – công	1	1,25m^2/hs	Không đạt

	nghệ			
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	1,87m^2/hs	Đạt
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	4	1,25 m^2/hs	Không đạt
2.7	Phòng đa chức năng	1	1,87m^2/hs	Đạt
3	**Khối phòng hỗ trợ học tập**	**7**		
3.1	Thư viện	3	0,63m^2/hs	Đạt
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	25m^2/phòng	Không đạt
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	25m^2/phòng	Đạt
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	1,25m^2/hs	Đạt
3.5	Phòng truyền thống	1	50m^2/phòng	Đạt
4	**Khối phụ trợ**	**11**		
4.1	Phòng họp	1	0,97m^2/người	Không đạt
4.2	Phòng Y tế trường học	1	25m^2/phòng	Đạt
4.3	Nhà kho	2	50m^2/kho	Đạt
4.4	Khu vệ sinh học sinh	16	0,25m^2/hs	Đạt
4.5	Phòng nghỉ giáo viên	2		Đạt
4.6	Phòng giáo viên	3		Đạt
5	**Khu sân chơi, thể dục thể thao**	**3**		
5.1	Sân trường	1	6,57 m^2/hs	Đạt
5.2	Sân thể dục thể thao	1	0,22 m^2/hs	Không đạt
5.3	Nhà đa năng	1	0,22 m^2/hs	Đạt
6	**Khối phục vụ sinh hoạt**	**42**		
6.1	Nhà bếp	1	0,37 m^2/hs	Đạt
6.2	Kho bếp	1	10 m^2/kho	Đạt
6.3	Nhà ăn	2	0,65m^2/hs	Đạt

*** Bảng 2: Số lượng các thiết bị dạy học**

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Bình quân	So với tiêu chuẩn tối thiểu
1	**Thiết bị dạy học tối thiểu các môn học/hoạt động giáo dục**	**41**		
1.1	Khối lớp 1	8	1,1/lớp	Đạt
1.2	Khối lớp 2	0		Không đạt
1.3	Khối lớp 3	0		Không đạt
1.4	Khối lớp 4	0		Không đạt
1.5	Khối lớp 5	0		Không đạt
2	**Thiết bị dạy học dùng chung**			

2.1	Tủ/giá đựng thiết bị	36	1,0 chiếc/lớp	Đạt
2.2	Giá treo tranh	6	-	Đạt
2.3	Thiết bị thu phát âm thanh	1	-	Đạt
2.4	Đài đĩa	5	-	Đạt
2.5	Thiết bị âm thanh đa năng di động	1	-	Đạt
2.6	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	60	-	Đạt
2.7	Máy chiếu vật thể	15	-	Đạt
2.8	Máy in	12	-	Đạt
2.9	Máy ảnh (hoặc máy quay)	1	-	Đạt
2.10	Cân	2	-	Đạt
2.11	Nhiệt kế	10	-	Đạt
2.12	Tivi thông minh	42	1 bộ/lớp	Đạt
2.13	Máy photocopy	2	-	Đạt

*** Bảng 3: Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường**

STT	Môn (Hoạt động giáo dục)	Lớp	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán	1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học	4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí	4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ	3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tin học	3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
9	GD Nghệ thuật (Âm nhạc)	1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
10	GD Nghệ thuật	1	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	NXB Giáo dục Việt Nam

	(Mĩ thuật)	2,3,4,5	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	
11	Giáo dục Thể chất	1,2,3,4,5	Cánh Diều	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh
12	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	1,2,3,4,5	i - Learn Smart Start	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC[5]

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Trường đạt cấp độ 2

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: thực hiện nghiêm túc việc tuyển sinh đầu cấp theo phân tuyến tuyển sinh, tiến tới giảm dần số học sinh/ lớp và giảm số lớp trên toàn trường

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: thực hiện tháng 10/2024

Kết quả: Trường được công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng mức độ 2 theo Quyết định số 81/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Sở GD&ĐT Hà Nội.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh năm học 2025 - 2026

- Chỉ tiêu: 280 HS/7 lớp

- Số học sinh đã tuyển: 280/280 học sinh, đạt 100% so với chỉ tiêu giao (DT1: 243; DT2: 11; DT4: 26)

2. Số liệu học sinh (tính đến hết tháng 12/2025):

Khối lớp	Số HS	Số lớp	Tỉ lệ HS/lớp	Số HS nữ	Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS KT	Số HS DTTS	Số HS HCKK	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến
1	281	7	40,1	137	281	0	0	0	3	0
2	279	7	39,8	136	279	1	0	0	2	3
3	279	7	39,8	132	279	2	6	0	2	2
4	295	7	42,1	134	295	1	3	0	2	1
5	355	8	44,3	157	355	1	5	0	3	1
Tổng	**1489**	**36**	**41,3**	**696**	**1489**	**5**	**14**	**1**	**12**	**7**

3. Kết quả đánh giá học sinh:

- Xếp loại năng lực, phẩm chất:

Năm học	T.số HS được đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	1693	538	31,8	1154	68,1	1	0,1
2024-2025	1571	530	33,7	1040	66,2	1	0,1

(05 HS khuyết tật học hòa nhập có hồ sơ đánh giá riêng)

- Xếp loại các môn học:

Năm học	T.số HS được đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	1693	538	31,8	1154	68,1	1	0,1
2024-2025	1571	530	33,7	1040	66,2	1	0,1

(05HS khuyết tật học hòa nhập có hồ sơ đánh giá riêng)

- Khen thưởng học sinh cuối năm:

Năm học	T.số HS được đánh giá	Học sinh Xuất sắc/ Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện		HS tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện/ Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc	
		SL	%	SL	%
2023-2024	1693	513	30,3	278	16,4
2024-2025	1571	**601**	**38,3**	**24**	**1,5**

- Số học sinh lên lớp, hoàn thành chương trình Tiểu học:

Năm học	Số HS được đánh giá	Số HS lên lớp/ Hoàn thành chương trình Tiểu học	
		SL	%
2023-2024	1693	1692	99,9
2024-2025	1571	1570	99,9

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm 2025, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Nguồn kinh phí:

Căn cứ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của

Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ theo Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của quận Long Biên, trong đó:

- Kinh phí giao tự chủ: 9.618.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 4.297.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP: 659.000.000 đồng.

Căn cứ vào Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 05/06/2025 của UBND Quận Long Biên về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các trường học công lập thuộc Quận để đảm bảo định mức chi năm 2025 và bổ sung kinh phí đặt hàng cho các trường thực hiện thí điểm đặt hàng 4 tháng cuối năm 2025, nhà trường được cấp thêm kinh phí: 23.100.000 đồng.

Tổng kinh phí UBND Quận giao và cấp bổ sung trong năm: 14.597.100.000 đồng

Từ ngày 01/7/2025, thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Trường tiểu học Gia Thuỵ được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc quận Long Biên sang đơn vị trực thuộc phường Bồ Đề; Trường tiểu học Gia Thụy vẫn thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi hoạt động (đơn vị nhóm 4) theo Quyết định số 1884/QĐ - UBND ngày 03/11/2025 của UBND phường Bồ Đề về việc phân loại đơn vị sự nghiệp, giao quyền tự chủ tài chính 6 tháng cuối năm 2025 cho các đơn vị trường học công lập trên địa bàn phường Bồ Đề.

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ -UBND ngày 21/07/2025 của UBND phường Bồ Đề về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi NSNN năm 2025 của phường Bồ Đề, đơn vị được NSNN cấp số tiền 14.597.000.000 đồng. Trong đó:

- Kinh phí giao tự chủ: 9.618.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 4.320.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP: 659.000.000 đồng.

Thực hiện Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND phường Bồ Đề về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị trường học để thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn năm học 2025-2026 theo quy định Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố (Đợt 1): 2.520.000.000 đồng.

Tổng kinh phí giao và cấp bổ sung trong năm: 17.117.000.000 đồng

Trong năm 2025, đơn vị thực hiện điều chỉnh giảm chi ngân sách theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 về việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách cấp phường năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ số tiền: 64.000.000 đồng

Như vậy tổng kinh phí sau điều chỉnh bổ sung, cắt giảm: 17.053.000.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo chi tiết như sau:

Số TT	Nội dung	Tổng kinh phí NSNN cấp năm 2024	Tổng kinh phí NSNN cấp năm 2025	Kinh phí tăng, giảm năm 2025 so với năm 2024	(%) Thực hiện năm 2025 so với năm 2024	% Tăng (+); giảm (-) năm 2025 so với năm 2024
1	2	3	4	5=4-3	6=4/3	7 =5/3
A	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**12.653.385.429**	**17.053.000.000**			
I	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**12.653.385.429**	**9.554.000.000**			
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**12.330.385.429**	**9.554.000.000**	**(2.776.385.429)**		
1	Mục 6000: Lương theo ngạch, bậc	5.684.817.962	4.116.856.635	(1.567.961.327)	72,42	2025 Tách nguồn CCTL
2	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	85.920.000	59.520.000	(26.400.000)	69,27	Giảm 01 BV theo HĐ 111
3	Mục 6100: Phụ cấp lương	3.205.893.125	2.395.263.945	(810.629.180)	74,71	2025 Tách nguồn CCTL
4	Mục 6200: Tiền thưởng	0	34.790.000	34.790.000		2025 đơn vị tự chi trả
5	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	219.259.730	166.060.000	(53.199.730)	75,74	(24,26)
6	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.588.484.858	1.104.517.572	(483.967.286)	69,53	2025 Tách nguồn CCTL
7	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	128.781.496	335.203.137	206.421.641	260,29	160,29
8	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	299.881.375	325.927.198	26.045.823	108,69	8,69
9	Mục 6550: Vật tư văn phòng	58.630.370	89.314.107	30.683.737	152,33	52,33
10	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	54.389.303	27.006.187	(27.383.116)	49,65	(50,35)
12	Mục 6700: Công tác phí	7.200.000	7.200.000	0	100,00	

13	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	559.182.000	534.000.000	(25.182.000)	95,50	(4,50)
14	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	195.367.000	73.610.000	(121.757.000)	37,68	(62,32)
15	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	33.000.000	12.800.000	(20.200.000)	38,79	(61,21)
16	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	169.692.500	214.375.219	44.682.719	126,33	26,33
17	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	19.200.000	24.012.000	4.812.000	125,06	25,06
18	Mục 7750: Chi khác	20.685.710	33.544.000	12.858.290	162,16	62,16
1.2	**KP không thường xuyên**	**323.000.000**	**7.499.000.000**	**7.176.000.000**		
1	Thưởng thường xuyên	258.400.000	527.200.000	268.800.000	204,02	104,02
2	Thưởng đột xuất	64.600.000	131.800.000	67.200.000	204,02	104,02
3	Kinh phí thực hiện CCTL		4.320.000.000	4.320.000.000		Tách nguồn CCTL
4	Kinh phí thực hiện bữa ăn bán trú		2.520.000.000	2.520.000.000		2025 được cấp KP thực hiện bữa ăn bán trú

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

Năm 2025-2026, Nhà trường thu tiền học theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội và Căn cứ Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;

BẢNG NỘI DUNG CHI, ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH VÀ THỎA THUẬN NĂM HỌC 2025– 2026 (thực hiện từ tháng 9/2025)

TT	Nội dung	Mức thu	Nội dung và định mức dự chi
I	**Các khoản thu, chi theo NQ03/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội**		
1	Dịch vụ tiền ăn bán trú	Mức thu : 35.000đ/HS/ngày/ suất *Trong đó:* *+ NSNN: 20.000đ/hs/bữa* *+PH đóng: 15.000đ/hs/bữa* *(Đối với học sinh tham gia bán trú tại trường).*	**Mức chi:** Chi cho các bữa ăn của học sinh
2	Dịch vụ Chăm sóc bán trú	Mức thu: 235.000 đ/HS/tháng Thu từ ngày 10 hàng tháng *(Chỉ thu của HS đăng kí bán trú)*	**Mức chi:** Chi GV, NV trực tiếp chăm sóc bán trú, trông trưa, thu dọn và bộ phận quản lý, nhân viên phục vụ bán. - Nộp 2% thuếTNDN
3	Trang thiết bị phục vụ bán trú	Khối 1: Mức thu: 133.000 đồng/học sinh/năm học Khối 2,3,4,5: 80.000đ/học sinh/năm học *Đối với học sinh tham gia bán trú tại trường.*	**Mức chi:** - Mua chăn - Bổ sung trang thiết bị cho bán trú: - Mua giấy ăn cho HS bán trú - Nộp 2% thuếTNDN
4	Kỹ năng công dân số	Mức thu: 125.000 đ/HS/tháng (Khối 1,2,3) Thu từ ngày 10 hàng tháng	**Mức chi**: Chi trả học liệu và Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy; chi công tác quản lý và cơ sở vật chất, hoạt động chuyên môn. - Nộp 2% thuếTNDN
5	Nước uống tinh khiết	Mức thu:15.000 đ/HS/tháng Thu từ ngày 10 hàng tháng (Chỉ thu theo 9 tháng học)	**Mức chi**: Chi trả theo số bình nước thực tế sử dụng.
6	Thu, chi viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng	- Thực hiện theo TT16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Công văn số 4658/SGDĐT-KHTC ngày 24/10/2018 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc triển khai thực hiện TT số 16/2018/TT-BGDĐT	
7	Các khoản thu về đồng phục học sinh	- Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGD&ĐT ngày 30/9/2009 của BGD&ĐT quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của HS và sinh viên. - Phương thức thực hiện: CMHS có nhu cầu tự nguyện đăng kí vào tháng 5 hoặc tháng 8 hàng năm; CMHS nhận đủ đồng phục và trả tiền nhà may theo đăng ký của CMHS	

II	**Các khoản thu thỏa thuận theo nhu cầu thực tế để thực hiện nhiệm vụ năm học**		
1	Chương trình Tiếng Anh hợp tác với Trung tâm Language Link Lớp 1, 2, 3, 4, 5.	Mức thu: 667.000 đ/tháng/HS (Chỉ thu của CMHS đã đăng kí tự nguyện cho con học)	**Mức chi:** chi hoạt động ngoại khoá nâng cao chất lượng học Tiếng Anh; chi hỗ trợ chi tiền điện, nước ; chi mua sắm CSVC, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị - Nộp 2% thuếTNDN
2	Học phí tham gia Chương trình Tiếng Anh hợp tác với Trung tâm GSG Lớp 1, 2, 3, 4, 5.	Mức thu: 200.000 đ/tháng/HS (Chỉ thu của CMHS đã đăng kí tự nguyện cho con học)	**Mức chi:** chi hỗ trợ tiền điện, điều hòa, cơ sở vật chất; hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh; hỗ trợ công tác quản lý; chi photo tài liệu, bài tập, phần thưởng học sinh. - Nộp 2% thuếTNDN
3	Học phí tham gia Chương trình Tiếng Anh Toán: Lớp 1, 2	Mức thu: 100 .000 đ/HS/tháng *(Chỉ thu của CMHS đã đăng kí tự nguyện cho con học)*	**Mức chi:** Chi công tác quản lý tổ chức thực hiện và các chi phí khác liên quan đến quản lý chương trình tại nhà trường. Nội dung chi theo quy chế chi tiêu nội bộ và kế hoạch thu chi. - Nộp 2% thuếTNDN
4	Chương trình Tiếng anh Stem - Robotics	Mức thu: 150.000 đ/HS/tháng (Khối lớp 3,4,5) *(Chỉ thu của CMHS đã đăng kí tự nguyện cho con học)*	**Mức chi:** Chi công tác quản lý tổ chức thực hiện và các chi phí khác liên quan đến quản lý chương trình tại nhà trường. Nội dung chi theo quy chế chi tiêu nội bộ và kế hoạch thu chi. - Nộp 2% thuếTNDN
5	Dịch vụ điểm danh nhận diện khuôn mặt	Mức thu: 70 .000 đ/HS/ năm học	Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và BĐD PHHS đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch dân chủ và có hiệu quả. Thu trên cơ sở căn cứ theo thực tế sử dụng;
6	Tiền điện chênh lệch do các lớp học sử dụng điều hòa	Theo thực tế sử dụng	Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và BĐD PHHS đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch dân chủ và có hiệu quả. Thu trên cơ sở căn cứ theo thực tế sử dụng;

7	Quỹ Đội, thiếu niên nhi đồng	Mức thu: 2.000 đ/HS/tháng. (Chỉ thu theo 9 tháng học = 18.000đ/ HS/năm học)	- **Mức chi**: Chi mua sổ sách đội, chuyên hiệu đội viên; Chi in ấn tài liệu, báo cáo, Chi các hoạt động văn nghệ, đại hội liên đội có).
8	Công tác từ thiện nhân đạo	Thu theo đợt; Mức thu = mức chi	Thực hiện theo các văn bản của của cơ quan quản lý có thẩm quyền, thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện.
9	Quỹ Ban Đại diện CMHS lớp	**Không vận động ủng hộ.**	
10	Bảo hiểm y tế	Thu BHYT theo văn bản số: Thực hiện Công văn số 538/BHXH-CV ngày 15/8/2025 của BHXH cơ sở Long Biên về việc thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;	*1. Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu:* - Chi mua thuốc, vật tư y tế; Chi mua sắm, sửa chữa; Chi khám sức khỏe cho HS theo kế hoạch của Trung tâm y tế quận hàng năm; Các khoản chi khác về thực hiện công tác y tế trường học. *2. Trích hoa hồng đại lý:* Chi cho công tác quản lý tuyên truyền, thu nộp tiền, phát hành thẻ BHYT HS và các vấn đề phát sinh liên quan đến thẻ BHYT HS (Chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Nhà trường luôn quan tâm tới học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập tặng quà cho các em nhân dịp năm học mới, tết Nguyên Đán. Hàng năm nhà trường lập danh sách gửi các đơn vị liên kết hỗ trợ tiền học.

Kết quả: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc diện nghèo, cận nghèo, con thương binh, liệt sỹ được miễn, giảm tiền học các chương trình Tiếng anh liên kết, được nhà trường hỗ trợ BHYT, nước uống hàng tháng.

Học sinh khuyết tật được Phường trợ cấp hàng tháng theo năm học: 150.000đ/tháng.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Các nội dung công khai được thực hiện theo Thông tư Số: 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 15 tháng 6 năm 2017 Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách,tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Công khai dự toán ngân sách: Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà

nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung (nếu có) được UBND quận giao và nguồn kinh phí khác (theo biểu mẫu số 02 tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được kho bạc đối chiếu và phòng tài chính phê duyệt (theo biểu mẫu số 03 tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

Công khai quyết toán ngân sách đã được kho bạc đối chiếu và phòng tài chính phê duyệt (theo biểu mẫu số 04 tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

Công khai kết quả kiểm tra tài chính: Thực hiện công khai sau khi có kết quả kiểm tra tài chính của phòng Tài chính kế hoạch quận (nếu có).

Công khai các khoản chi cho cán bộ giáo viên, nhân viên hàng tháng và đột xuất theo qui chế chi tiêu nội bộ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thành tích của giáo viên, học sinh tham gia các cuộc thi:

a) Các cuộc thi của giáo viên:

Năm học	Tổng số giáo viên đạt giải	Cấp Quận				Cấp Thành phố			
		Giải Nhất	Nhì	Ba	KK/Đạt/CĐ	Giải Nhất	Nhì	Ba	KK/Đạt/CĐ
2023-2024	15	3	5	2	3	2			
2024-2025	8	1	3	2	1			1	

b) Các cuộc thi của học sinh:

Năm học	T.số HS đạt giải	Cấp Quận				Cấp Thành phố				Cấp Quốc gia				Cấp Quốc tế			
		Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	HCV	HCB	HCĐ	KK
2023 2024	**274**	20	9	23	4	8	3	1	2	15	25	68	29	14	12	30	11
2024 2025	**265**	4	6	14	12	3	0	1	7	22	25	43	26	15	30	30	27

2. Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số:

Trong năm học, nhà trường vẫn duy trì có chất lượng mô hình "Trường học điện tử", tự đánh giá Mức độ chuyển đổi số đạt Mức 3 chuyển đổi số trong dạy học và Mức 3 chuyển đổi số trong quản trị.

3. Kết quả thực hiện các phong trào thi đua

** Các phong trào thi đua do Thành phố, Quận/Phường phát động*

- Thực hiện hiệu quả chủ đề công tác năm 2025 của thành phố Hà Nội "Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển" gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; đẩy mạnh cuộc vận động "Dân chủ - kỷ cương - tình thương - trách nhiệm"; tăng cường học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt"; phong trào "Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thi đua thực hiện văn hóa công sở và nơi công cộng".

- Tích cực chỉnh trang khung cảnh sư phạm, trang trí các phòng ban, lớp học, đảm bảo môi trường giáo dục xanh - sạch - đẹp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý; tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả mô hình trường học điện tử. Kết quả tự đánh giá chuyển đổi số trong dạy học đạt mức 3, chuyển đổi số trong quản trị đạt mức 3.

- Triển khai hiệu quả phong trào thi đua "An toàn thực phẩm": thực hiện nghiêm các quy trình đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc và các bệnh truyền qua thực phẩm trong trường học; duy trì và phát huy hiệu quả mô hình "Nâng cao năng lực tự quản lý an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể trường học" cấp Thành phố.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua theo Bộ tiêu chí đánh giá sự chuyên nghiệp của CBCCVC, NLĐ quận Long Biên giai đoạn 2022–2025: tuyên truyền đến 100% viên chức, người lao động thực hiện nghiêm các tiêu chí; chủ động khắc phục, cải thiện các tiêu chí chưa đạt; tổ chức giám sát, đánh giá định kỳ hàng quý; bình xét, đề xuất khen thưởng đúng quy trình. Tỷ lệ viên chức, người lao động đạt mức chuyên nghiệp hàng quý duy trì trên 20%.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua đảm bảo an ninh, quốc phòng: thực hiện nghiêm túc trực bảo vệ 24/24 giờ theo phân công, đảm bảo an ninh, an toàn trường học; giữ gìn trật tự an toàn giao thông, văn minh đô thị khu vực cổng trường, không để xảy ra ùn tắc trong giờ đưa đón học sinh; thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, không để xảy ra sự cố cháy nổ trong năm học.

** Các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của đơn vị*

- Thi đua "Quản lý tốt - Dạy tốt - Học tốt" gắn với cuộc vận động "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo", xây dựng "Trường học xanh – sạch – đẹp – văn minh – an toàn", triển khai giải thưởng "Nhà giáo Hà Nội tâm huyết, sáng tạo" lần thứ 9, năm học 2024 - 2025: Tổ chức tốt Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường và tham gia thi GVDG các cấp: 24 GV đạt GVDG cấp trường, 03 GV đạt GVDG cấp quận; Thực hiện 01 chuyên đề đổi mới PPDH cấp Quận; Triển khai phong trào viết SKKN: 20 SKKN đạt cấp trường, trong đó 9 SKKN đạt cấp quận; Tham gia xét giải thưởng "Nhà giáo Long Biên tâm huyết sáng tạo": 01 GV đạt giải Nhất; 01 GV đạt giải C Thành phố sáng tác ca khúc dành cho thiếu nhi.

- Phong trào "Nhà trường chung tay cùng phát triển, thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm": Tiếp tục thực hiện phong trào "Nhà trường cùng chung tay phát

triển – Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm" theo Kế hoạch số 01/KH-THGT-LQĐ ngày 06/4/2023 về việc tổ chức phong trào "Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm" giữa trường TH Gia Thụy và trường TH Lê Quý Đôn giai đoạn 2022 – 2025; Trong năm học, hai trường đã tổ chức các nội dung đúng tiến độ theo kế hoạch: Tổ chức 02 buổi giao lưu chuyên môn về giáo dục STEM và chia sẻ kinh nghiệm xây dựng tiết thi GVDG cấp Thành phố

- Cuộc vận động xã hội hoá giáo dục và chương trình từ thiện nhân đạo: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng, nhà nước, thành phố, quận về xây dựng "xã hội học tập". Tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, các tổ chức đoàn thể, CMHS, cộng đồng xã hội góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; Động viên CBGVNV tham gia hưởng ứng cuộc vận động "Ủng hộ giáo dục miền núi vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn", "Nhà giáo Hà Nội giúp đỡ học sinh khó khăn" năm học 2024-2025, mỗi nhà giáo nhận đỡ đầu 1 học sinh của lớp, của trường mình;

- CBGVNV nhà trường tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện. Các hoạt động tiêu biểu như: Vận động ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" quận Long Biên năm 2025, quỹ "Vì biển, đảo Việt Nam" năm 2025, quỹ "An sinh giáo dục" năm 2025, quỹ "Chung sức nhân đạo" của Hội CTĐ quận Long Biên, Chương trình "Tết sum vầy" của Liên đoàn Lao động Đoàn Long Biên, quỹ Khuyến học phường Gia Thụy… với tổng số tiền ủng hộ Quỹ Nhân đạo năm học 2024-2025 là 318.344.000 đồng; Thực hiện miễn giảm các khoản thu trong năm học, tặng thẻ BHYT, tặng quà nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán cho 10 học sinh thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, học sinh khuyết tật học hòa nhập của trường với tổng số tiền **120.000.000 đồng**; 03 CB,GV,NV được nhận Giấy khen của Hội Chữ thập đỏ Thành phố Hà Nội "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ trường học".

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THỤY

Bùi Thị Thu Hằng